

Bước đầu đánh giá chương trình đào tạo sinh viên chuyên khoa thể dục thể thao trường Đại học Tây Bắc

ThS. Nguyễn Văn Chiêm ■

TÓM TẮT:

Từ kết quả nghiên cứu đề tài, bài báo tập trung phân tích về đánh giá chương trình đào tạo sinh viên (SV) chuyên khoa thể dục thể thao (TDTT) trường Đại học Tây Bắc (ĐHTB). Nội dung đánh giá bước đầu gồm: kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy thông qua ý kiến phản hồi của SV; Đánh giá chương trình đào tạo thông qua ý kiến phản hồi của giảng viên (GV), cán bộ quản lý.

Từ khóa: đánh giá, chương trình, đào tạo, sinh viên, sư phạm, chuyên ngành, thể dục thể thao, đại học.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tế trong những năm qua cho thấy, chất lượng đào tạo cho SV khối sư phạm chuyên khoa TDTT trường ĐHTB chưa đáp ứng được yêu cầu, chỉ dừng lại ở mức độ trang bị cho SV chuyên những kỹ năng, kiến thức thông thường. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã xây dựng được chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất (GDTC) dựa trên chuẩn đầu ra. Do vậy, đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT trường ĐHTB là hết sức cần thiết.

Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, tọa đàm, chuyên gia, kiểm tra sư phạm, thực nghiệm sư phạm, toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Sau khi áp dụng các giải pháp, đề tài đã xây dựng được chương trình đào tạo ngành GDTC và được trường ĐHTB đưa vào ứng dụng. Bước đầu đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT trường ĐHTB đào tạo thông qua:

Kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành GDTC của trường ĐHTB thông qua ý kiến phản hồi của SV với 10 câu hỏi nhận định theo thang đo Likert. Cụ thể:

(SV1) GV đã phổ biến đầy đủ cho SV về các môn

ABSTRACT:

From the research results, the article focuses on the evaluation of the program of training students in sports and physical training at Tay Bac University. Initial evaluation results include: Results of teaching quality assessment through feedback from students; Evaluate the training program through feedback from trainers; Evaluate the program through student learning outcomes.

Keywords: assessment, program, training, students, pedagogy, specialization, physical education and sports, university.

học và các tài liệu liên quan.

(SV2) GV đã giới thiệu đầy đủ những kiến thức, kỹ năng cơ bản của các môn học trong chương trình đào tạo.

(SV3) Nội dung các môn học thiết thực và hữu ích.

(SV4) Giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy đã lôi cuốn được SV.

(SV5) GV sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất (CSVC) TDTT cho công tác giảng dạy.

(SV6) Bài tập, lượng vận động trong chương trình đào tạo đưa ra phù hợp và hình thành được những kỹ năng thực hành cần thiết cho SV.

(SV7) Chương trình tạo cơ hội cho SV tập luyện ngoại khóa và học tập nâng cao.

(SV8) GV luôn quan tâm tới tiến bộ của SV trong quá trình học tập, có sự động viên, khuyến khích kịp thời.

(SV9) GV khuyến khích SV bày tỏ quan điểm về các vấn đề của môn học.

(SV10) GV tổ chức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập đảm bảo công bằng và phản ánh đúng năng lực của SV.

Đánh giá chương trình đào tạo thông qua ý kiến phản hồi của GV thông qua 10 câu hỏi nhận định theo thang đo likert. Cụ thể:

(GV1) Nội dung các tín chỉ khuyến khích sự sáng tạo của SV.

(GV2) Nội dung các tín chỉ khuyến khích việc tự tập luyện TDTT thường xuyên của SV.

(GV3) Nội dung các tín chỉ phù hợp với xu hướng phát triển và đáp ứng ngành nghề học tập của SV.

(GV4) Các mục tiêu của chương trình môn học rõ ràng.

(GV5) Nội dung chương trình đảm bảo đáp ứng được chuẩn đầu ra.

(GV6) SV có cơ hội thực hành các môn thể thao và ứng dụng các lý thuyết vào giờ học chính khóa và ngoại khóa.

(GV7) Thiết kế chương trình được sắp xếp hợp lý.

(GV8) CSVK kỹ thuật TDTT đáp ứng nhu cầu tập luyện của SV.

(GV9) Sử dụng các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá tích cực và khách quan, công bằng.

(GV10) SV có môi trường học tập và rèn luyện sức khỏe tốt.

Kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy SV chuyên khoa TDTT trường ĐHTB thông qua ý kiến phản hồi của SV.

Mức độ đồng thuận về chương trình đào tạo ngành GDTC được xác định thông qua kết quả phỏng vấn, đối tượng phỏng vấn của đề tài là 112 SV. Kết quả về tần suất trả lời được trình bày tại bảng 1.

Kết quả thu được ở bảng 1: tần suất trả lời ở

Bảng 1. Thống kê tần suất trả lời về đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT thông qua ý kiến SV (n = 112)

TT	Phương án trả lời	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1	Rất đồng ý	381	34.0
2	Đồng ý	481	42.9
3	Không ý kiến	183	16.3
4	Không đồng ý	43	3.8
5	Rất không đồng ý	32	2.9
	Tổng	1120	100

phương án “rất đồng ý” là 381 chiếm 34.0%, phương án “đồng ý” là 481 chiếm tỷ lệ 42.9%, phương án “không ý kiến” là 183 chiếm tỷ lệ 16.3%. Như vậy, tổng các phương án trả lời rất đồng ý và đồng ý là 76.9%. Như vậy, chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT mà đề tài bước đầu xây dựng được đa số các ý kiến đánh giá là phù hợp để nâng cao chất lượng đào tạo cho SV khối sư phạm chuyên khoa TDTT trường ĐHTB.

Về thống kê số người trả lời ở từng giải pháp được trình bày ở bảng 2.

Kết quả thu được ở bảng 2 thấy: tỷ lệ trả lời các câu hỏi nhận định về đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT ở các mức độ khác nhau. Khi tính điểm trung bình theo thang đo likert thì cao nhất

Bảng 2. Tổng hợp tần suất trả lời về đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT thông qua ý kiến SV (n = 112)

Câu hỏi	Rất đồng ý	Đồng ý	Không ý kiến	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Điểm trung bình
SV1	n	44	43	17	5	3
	%	39.3	38.4	15.2	4.5	2.7
SV2	n	33	55	17	4	3
	%	29.5	49.1	15.2	3.6	2.7
SV3	n	28	57	20	5	2
	%	25.0	50.9	17.9	4.5	1.8
SV4	n	40	44	21	4	3
	%	35.7	39.3	18.8	3.6	2.7
SV5	n	41	48	16	4	3
	%	36.6	42.9	14.3	3.6	2.7
SV6	n	37	49	20	3	3
	%	33.0	43.8	17.9	2.7	2.7
SV7	n	35	45	24	4	4
	%	31.3	40.2	21.4	3.6	3.6
SV8	n	35	45	24	4	4
	%	31.3	40.2	21.4	3.6	3.6
SV9	n	41	47	15	5	4
	%	36.6	42.0	13.4	4.5	3.6
SV10	n	40	47	16	5	4
	%	35.7	42.0	14.3	4.5	3.6

Bảng 3. Độ tin cậy của kết quả phỏng vấn SV về đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT trường DHTB (n = 112)

Reliability Statistics				
Cronbach's Alpha		N of Items		
.871		10		
Item-Total Statistics				
	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
SV1	36.0714	36.049	.470	.868
SV2	36.1518	35.337	.588	.859
SV3	36.2143	35.233	.631	.856
SV4	36.1250	34.236	.653	.854
SV5	36.0714	34.932	.603	.858
SV6	36.0714	34.445	.643	.855
SV7	36.1250	34.777	.632	.855
SV8	36.2232	33.761	.675	.852
SV9	36.1071	35.790	.481	.868
SV10	36.1250	35.227	.532	.864

là 4.07 điểm và thấp nhất là 3.92 điểm. So sánh điểm trung bình theo thang đo likert thì đều nằm trong khoảng từ 3.41 - 4.20 (mức đồng ý). Như vậy, đa số các ý kiến phỏng vấn đều đánh giá chương trình đào

Bảng 4. Thống kê tần suất trả lời về đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT thông qua ý kiến GV và cán bộ quản lý (n = 27)

TT	Phương án trả lời	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1	Rất đồng ý	86	31.9
2	Đồng ý	121	44.8
3	Không ý kiến	43	15.9
4	Không đồng ý	11	4.1
5	Rất không đồng ý	9	3.3
	Tổng	270	100

tạo SV chuyên khoa TDTT phù hợp và có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo cho SV khối sư phạm chuyên khoa TDTT trường DHTB.

Để xác định độ tin cậy của kết quả phỏng vấn, đề tài đã kiểm nghiệm thông qua xác định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Kết quả được trình bày ở bảng 3.

Kết quả tính toán Cronbachs Alpha ở bảng 3 cho thấy: hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha) = 0.871, biến quan sát phải loại bỏ nếu giá trị lớn hơn hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha if Item Deleted) của tất cả các giải pháp và nhiệm vụ đều từ 0.852 đến 0.868 < 0.924, hoặc biến quan sát phải loại bỏ nếu tương quan giữa biến đó so với tổng < 0.4 (Corrected Item-Total Correlation), song kết quả thu được đều từ 0.470 đến 0.681 > 0.4. Như vậy, kết quả thu được về 10 câu hỏi

Bảng 5. Tổng hợp tần suất trả lời về đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT thông qua ý kiến GV và cán bộ quản lý (n = 27)

Câu hỏi		Rất đồng ý	Đồng ý	Không ý kiến	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Điểm trung bình
GV1	n	7	14	4	1	1	3.93
	%	25.9	51.9	14.8	3.7	3.7	
GV2	n	11	8	6	1	1	4.00
	%	40.7	29.6	22.2	3.7	3.7	
GV3	n	5	17	3	2	0	3.93
	%	18.5	63.0	11.1	7.4	0.0	
GV4	n	11	9	5	1	1	4.04
	%	40.7	33.3	18.5	3.7	3.7	
GV5	n	8	11	6	1	1	3.89
	%	29.6	40.7	22.2	3.7	3.7	
GV6	n	9	12	4	1	1	4.00
	%	33.3	44.4	14.8	3.7	3.7	
GV7	n	12	10	3	1	1	4.15
	%	44.4	37.0	11.1	3.7	3.7	
GV8	n	12	10	3	1	1	4.15
	%	44.4	37.0	11.1	3.7	3.7	
GV9	n	6	18	1	1	1	4.00
	%	22.2	66.7	3.7	3.7	3.7	
GV10	n	7	10	8	1	1	3.78
	%	25.9	37.0	29.6	3.7	3.7	

Bảng 6. Độ tin cậy của kết quả phỏng vấn GV về đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT trường ĐHTB (n = 27)

Reliability Statistics				
Cronbach's Alpha		N of Items		
.924		10		
Item-Total Statistics				
	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
GV1	35.8519	46.362	.765	.913
GV2	35.7778	46.333	.668	.918
GV3	35.8519	48.823	.717	.916
GV4	35.7407	45.892	.717	.915
GV5	35.8889	46.179	.730	.915
GV6	35.7037	46.524	.716	.915
GV7	35.7778	47.333	.648	.919
GV8	35.6296	45.858	.744	.914
GV9	35.7778	48.410	.662	.918
GV10	36.0000	46.000	.745	.914

nhận định mà đề tài phỏng vấn là đảm bảo độ tin cậy.

Đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT trường ĐHTB thông qua ý kiến GV và cán bộ quản lý

Mức độ đồng thuận về chương trình đào tạo ngành GDTC được xác định thông qua kết quả phỏng vấn, đối tượng phỏng vấn của đề tài là 27 GV, cán bộ quản lý, các chuyên gia. Kết quả về tần suất trả lời được trình bày tại bảng 4.

Kết quả thu được ở bảng 4: tần suất trả lời ở phương án “rất đồng ý” là 86 chiếm 31.9%, phương án “Đồng ý” là 121 chiếm tỷ lệ 44.8%, phương án “Không ý kiến” là 43 chiếm tỷ lệ 15.9%. Như vậy, tổng các phương án trả lời rất đồng ý và đồng ý là 76.7%. Như vậy, chương trình đào tạo SV chuyên

khoa TDTT mà đề tài bước đầu xây dựng được đa số các ý kiến đánh giá là phù hợp để nâng cao chất lượng đào tạo cho SV khối sư phạm chuyên khoa TDTT trường ĐHTB.

Về thống kê số người trả lời ở từng giải pháp được trình bày ở bảng 5.

Kết quả thu được ở bảng 5 thấy: tỷ lệ trả lời các câu hỏi nhận định về đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT ở các mức độ khác nhau. Khi tính điểm trung bình theo thang đo Likert thì cao nhất là 4.15 điểm và thấp nhất là 3.78 điểm. So sánh điểm trung bình theo thang đo Likert thì đều nằm trong khoảng từ 3.41 - 4.20 (mức đồng ý). Như vậy, đa số các ý kiến đều đánh giá chương trình đào tạo SV chuyên khoa TDTT phù hợp và có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo cho SV khối sư phạm chuyên khoa TDTT trường ĐHTB.

Để xác định độ tin cậy của kết quả phỏng vấn, đề tài đã kiểm nghiệm thông qua xác định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Kết quả được trình bày ở bảng 6.

Kết quả tính toán Cronbach's Alpha ở bảng 6 cho thấy: hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha) = 0.924; biến quan sát phải loại bỏ nếu giá trị lớn hơn hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha if Item Deleted) của tất cả các giải pháp và nhiệm vụ đều từ 0.913 đến 0.919 < 0.924; hoặc biến quan sát phải loại bỏ nếu tương quan giữa biến đó so với tổng < 0.4 (Corrected Item-Total Correlation), song kết quả thu được đều từ 0.648 đến 0.765 > 0.4. Như vậy, kết quả thu được về 10 câu hỏi nhận định mà đề tài phỏng vấn là đảm bảo độ tin cậy.

3. KẾT LUẬN

Đề tài đã xây dựng được chương trình đào tạo ngành GDTC cho SV khối sư phạm chuyên khoa TDTT trường ĐHTB. Bước đầu ứng dụng chương trình đã nhận được sự đồng thuận của cả GV và SV ngành GDTC khối sư phạm chuyên khoa TDTT trường ĐHTB.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD-ĐT (2016), *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 Quy định về Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.*
2. Nguyễn Đức Chính & Nguyễn Phương Nga (2000), *Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo dùng cho các trường đại học tại Việt Nam, Đề tài độc lập cấp Nhà nước, Trung tâm đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu phát triển giáo dục ĐHQG Hà Nội.*
3. Trần Khánh Đức (2011), *Đo lường và Đánh giá trong giáo dục*, Khoa Sư phạm, ĐHQG Hà Nội.

Nguồn bài báo: trích từ kết quả nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cho SV khối sư phạm chuyên khoa TDTT trường ĐHTB” - Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học TDTT.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21/10/2017; ngày phản biện đánh giá: 16/12/2017; ngày chấp nhận đăng: 8/1/2018)